

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **376** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **14** tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 24/TTr-SoNNMT ngày 07 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo quyết định này quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (quy trình giải quyết thủ tục hành chính đính kèm), cụ thể:

1. Cấp tỉnh:

- Ban hành mới: 02 quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

- Thay thế: 02 quy trình giải quyết thủ tục hành chính, gồm:

+ 01 quy trình giải quyết thủ tục hành chính được Ủy nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (*mã thủ tục hành chính 1.00055*).

+ 01 quy trình giải quyết thủ tục hành chính được Ủy nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 4135/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (*mã thủ tục hành chính 1.007916*).

- Bãi bỏ: 02 quy trình giải quyết thủ tục hành chính, gồm:

+ 01 quy trình giải quyết thủ tục hành chính được Ủy nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính, quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (*mã thủ tục hành chính 1.012688*).

+ 01 quy trình giải quyết thủ tục hành chính được Ủy nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 4135/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (*mã thủ tục hành chính 1.007917*).

2. Cấp xã:

- Thay thế: 03 quy trình giải quyết thủ tục hành chính, gồm:

+ 01 quy trình giải quyết thủ tục hành chính được Ủy nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính, quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc

thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (*mã thủ tục hành chính 1.012694*).

+ 01 quy trình giải quyết thủ tục hành chính được Ủy nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (*mã thủ tục hành chính 1.007919*).

+ 01 quy trình giải quyết thủ tục hành chính được Ủy nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (*mã thủ tục hành chính 3.000250*).

- Bãi bỏ: 01 quy trình giải quyết thủ tục hành chính ban hành tại Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính, quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (*mã thủ tục hành chính 1.012693*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các nội dung khác tại Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2024; Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024; Quyết định 2321/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2024; Quyết định 4135/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh vẫn còn giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật, cấu hình quy trình giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Thực hiện tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công Quốc gia theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến kiểm thử để đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Sơn



PHỤ LỤC
QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 376 /QĐ-UBND ngày 14 / 7 / năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
A. CẤP TỈNH					
1. Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp. Mã TTHC: 3.000179 - Một phần					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc	Không thu phí	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng phát triển rừng	02 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt tờ trình	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Xem xét và Cấp giấy phép	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
Tổng thời gian giải quyết					
2. Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, hư hỏng. Mã TTHC: 3.000180- Toàn trình					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc	không	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng phát triển rừng Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt tờ trình	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Xem xét và Cấp giấy phép	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		

PHẦN II. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC SỬA ĐỔI

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
A. CẤP TỈNH					
1. Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án Quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức (Mã tthc: 1.000055) – Một phần					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ và Gửi lấy ý kiến các Sở ban ngành, tổ chức thẩm định	Phòng Bảo vệ rừng Chi cục Kiểm lâm	15 ngày làm việc		
Bước 3	Duyệt báo cáo thẩm định và trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt và trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Xem xét và Phê duyệt Báo cáo thẩm định	UBND tỉnh	02 ngày làm việc		
Bước 6	Chuyển hồ sơ Trình Hội đồng nhân dân tỉnh	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày làm việc		
2. Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế ((mã tthc: 1.007916) – Một phần					

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Trường hợp địa phương bố trí đất để trồng rừng					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày	Không	
Bước 2	Thẩm định, giải quyết và báo cáo lãnh đạo chi cục	Phòng phát triển rừng Chi cục Kiểm lâm	02 ngày		
Bước 3	Xem xét và trình Phương án cho Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày		
Bước 4	Xem xét và phê duyệt rình Phương án cho UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày		
Bước 5	Xem xét và phê duyệt Phương án	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	01 ngày		
Bước 6	Nhận kết quả chuyển cho tổ chức cá nhân	Bộ phận một cửa Chi cục	0,25 ngày		
Bước 7	Chủ dự án nộp tiền và nhận thông báo	Quỹ Bảo vệ phát triển rừng	10 ngày		
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày		
- Trường hợp địa phương không bố trí được đất để trồng rừng (Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày	Không	
Bước 2	Thẩm định, giải quyết và báo cáo lãnh đạo chi cục	Phòng phát triển rừng Chi cục Kiểm lâm	02 ngày		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 3	Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày		
Bước 4	Xem xét và phê duyệt đề trình Phương án cho UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày		
Bước 6	Xem xét gửi hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Môi trường và chờ kết quả từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản trả lời	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	14 ngày		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa Chi cục	0,25 ngày		
Bước 8	Chủ dự án nộp tiền và nhận thông báo	Quỹ Bảo vệ phát triển rừng	21 ngày		
Tổng hợp thời gian giải quyết			40 ngày		
- Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày	Không	
Bước 2	Thẩm định, giải quyết và báo cáo lãnh đạo chi cục	Phòng phát triển rừng Chi cục Kiểm lâm	02 ngày		
Bước 3	Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày		
Bước 4	Xem xét và phê duyệt đề trình Phương án cho UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 6	Xem xét và phê duyệt Phương án	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	01 ngày		
Bước 7	Nhận kết quả chuyển cho tổ chức cá nhân	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày		
Bước 8	Chủ dự án nộp tiền và nhận thông báo	Quỹ Bảo vệ phát triển rừng	21 ngày		
Tổng thời gian giải quyết			26 ngày		
II. CẤP XÃ					
1. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân. Mã thủ tục: 1.012694.000.00.H19 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa của Xã	0,5 ngày	Không	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp Xã	09 ngày		
Bước 3	Ký Quyết định	Lãnh đạo UBND xã/ phường	02 ngày		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa của Xã	0,5 ngày		
Tổng thời gian giải quyết			12 ngày		
2. Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái. Mã thủ tục: 3.000250.000.00.H19 – Một phần					

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa của Xã	0,5 ngày	Không	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	UBND cấp xã/ phường	14 ngày		
Bước 3	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa của Xã	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc		
3. Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư. Mã thủ tục: 1.007919.000.00.00.H19 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa của xã	0,5 ngày	không	-
Bước 2	Xử lý hồ sơ	UBND xã/ phường hoặc Hạt Kiểm lâm	08 ngày		
Bước 3	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa của xã	0,5 ngày		
Tổng thời gian giải quyết			09 ngày		

PHẦN III. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC BẢO BỐ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A	CẤP TỈNH			
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM			
1	1.012688	Quyết định giao rừng cho tổ chức	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ	
2	1.007917	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 - Điều 2 Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024	
B	CẤP XÃ			
II	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM			
1	1.012693	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	